

Số: 13 /QĐ- UBND

IaKo, ngày 20 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 13/9/2017 của UBND huyện Chư Sê về việc triển khai mở rộng áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Iso 9001:2008 vào hoạt động của UBND xã trên địa bàn huyện Chư Sê;

Theo đề nghị của công chức Văn phòng - Thống kê xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã IaKo, huyện Chư Sê phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3: Văn phòng - Thống kê; Công chức chuyên môn của xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CC Tiêu chuẩn ĐLCL tỉnh Gia Lai;
- UBND huyện Chư Sê;
- CT, PCT UBND xã;
- VP, CC chuyên môn xã;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Xuân Cảnh



PHỤ LỤC

Các lĩnh vực hoạt động của UBND xã IaKo

Được công bố phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO9001:2008

(Kèm theo Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 20/3/2018

Của Chủ tịch UBND xã IaKo)

TT	Tên Quy trình	Mã số	Lần ban hành	Ngày ban hành
I.	Ban ISO			
1.	Chính sách chất lượng	CSCL	01	15/01/2018
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	01	15/01/2018
3.	Sổ tay chất lượng	STCL	01	15/01/2018
4.	Bảng Mô tả chức danh	MTCD	01	15/01/2018
5.	QT Kiểm soát tài liệu	QT 01-ISO-UBND	01	15/01/2018
6.	QT Kiểm soát Hồ sơ	QT 02-ISO-UBND	01	15/01/2018
7.	QT Đánh giá nội bộ	QT 03-ISO-UBND	01	15/01/2018
8.	QT Kiểm soát sản phẩm không phù hợp và Hành động khắc phục	QT 04-ISO-UBND	01	15/01/2018
9.	QT Hành động phòng ngừa	QT 05-ISO-UBND	01	15/01/2018
10.	QT Xem xét của lãnh đạo	QT 06-ISO-UBND	01	15/01/2018
II	Lĩnh vực Văn phòng – Thống kê			
11.	QT Tiếp nhận và trả kết quả	QT 01-VP	01	15/01/2018
12.	QT Quản lý văn bản đi, đến	QT 02 - VP	01	15/01/2018
III	Lĩnh vực Văn hóa – Xã hội			
13.	QT Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng.	QT 01 VHXXH	01	15/01/2018
14.	QT Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT 02 VHXXH	01	15/01/2018
15.	QT Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT 03 VHXXH	01	15/01/2018
16.	QT Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp GXN khuyết tật	QT 04 VHXXH	01	15/01/2018
17.	QT Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT 05 VHXXH	01	15/01/2018
18.	QT Trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT 06 VHXXH	01	15/01/2018

IV	Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch			
19.	QT Xác nhận tình trạng hôn nhân	QT 01 TPHT	01	15/01/2018
20.	QT Đăng ký khai sinh	QT 02 TPHT	01	15/01/2018
21.	QT Đăng ký kết hôn	QT 03 TPHT	01	15/01/2018
22.	QT Đăng ký khai tử	QT 04 TPHT	01	15/01/2018
23.	QT Đăng ký lại khai sinh	QT 05 TPHT	01	15/01/2018
24.	QT Đăng ký lại khai tử	QT 06 TPHT	01	15/01/2018
25.	QT Cấp bản sao từ sổ gốc	QT 07 TPHT	01	15/01/2018
26.	QT Chứng thực chữ ký điểm chỉ trong giấy tờ, văn bản.	QT 08 TPHT	01	15/01/2018
27.	QT Chứng thực hợp đồng giao dịch	QT 09 TPHT	01	15/01/2018
28.	QT Chứng thực bản sao từ bản chính	QT 10 TPHT	01	15/01/2018
29.	QT Chứng thực di chúc	QT 11 TPHT	01	15/01/2018
30.	QT Sửa lỗi sai sót hợp đồng giao dịch	QT 12 TPHT	01	15/01/2018
31.	QT C/thực văn bản từ chối nhận di sản	QT 13 TPHT	01	15/01/2018
32.	QT C/thực văn bản phân chia di sản	QT 14 TPHT	01	15/01/2018
33.	QT C/thực văn bản khai nhận di sản	QT 15 TPHT	01	01/6/2017
34.	QT C/thực sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch	QT 16 TPHT	01	15/01/2018
35.	QT Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính HĐGD đã được chứng thực.	QT 17 TPHT	01	15/01/2018
36.	QT Xử lý đơn thư	QT 18 TPHT	01	15/01/2018
37.	QT Giải quyết tố cáo	QT 19 TPHT	01	15/01/2018
38.	QT Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT 20 TPHT	01	15/01/2018
39.	QT Giải quyết khiếu nại lần hai	QT 21 TPHT	01	15/01/2018
40.	QT Tiếp công dân	QT 22 TPHT	01	15/01/2018
41.	QT Bầu hòa giải viên	QT 23 TPHT	01	15/01/2018
42.	QT Bầu tổ trưởng tổ hòa giải	QT 24 TPHT	01	15/01/2018
43.	QT Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT 25 TPHT	01	15/01/2018
44.	QT Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT 26 TPHT	01	15/01/2018
V	Lĩnh vực Địa chính			
45.	QT Đề nghị miễn, giảm tiền SDD đối với người có công với CM	QT 01 ĐC	01	15/01/2018
46.	QT Hòa giải tranh chấp đất đai	QT 02 ĐC	01	15/01/2018
47.	QT Cấp lại Giấy C/nhận do bị mất	QT 03 ĐC	01	15/01/2018
48.	QT Cấp đổi Giấy CN QXD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	QT 04 ĐC	01	15/01/2018

49.	QT Tách thửa hoặc hợp thửa đất	QT 05 ĐC	01	15/01/2018
50.	QT X/nhận tiếp tục SD đất NN của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn SD đất đối với trường hợp có nhu cầu	QT 06 ĐC	01	15/01/2018
51.	QT Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT 07 ĐC	01	15/01/2018
52.	QT Đ/ký x/lập QSD hạn chế thửa đất l/kê sau khi được cấp GCN lần đầu và đ/ký thay đổi, chấm dứt QSD hạn chế	QT 08 ĐC	01	15/01/2018
53.	QT Đ/ký b/động đối với t/hợp chuyển từ h/thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc ...	QT 09 ĐC	01	15/01/2018
54.	QT Đ/ký b/động về SDD, TS gắn liền với đất do thay đổi t/tin về người được cấp GCN (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy ...	QT 10 ĐC	01	15/01/2018
55.	QT Đ/ký b/động QSX đất, QSH TS g/liền với đất trong các t/hợp g/ quyết t/chấp, k/nại, tố cáo về đ/đại.	QT 11 ĐC	01	15/01/2018
56.	QT Xóa đ/ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng qsd đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	QT 12 ĐC	01	15/01/2018
57.	QT Bán hoặc góp vốn bằng TS gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QT 13 ĐC	01	15/01/2018
58.	QT Đ/ký biến động QSDĐ, QSH tài sản gắn liền với đất trong t/hợp c/nhượng, cho thuê, cho thuê lại ...	QT 14 ĐC	01	15/01/2018
59.	QT Chuyển đổi QSDĐ nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	QT 15 ĐC	01	15/01/2018
60.	QT Đ/ký, cấp GCN QSDĐ, quyền SH nhà ở và TS khác gắn liền với đất đối với t/hợp đã chuyển QSDĐ.	QT 16 ĐC	01	15/01/2018
61.	QT Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QT 17 ĐC	01	15/01/2018
VI	Lĩnh vực Công an			
62.	QT Đăng ký thường trú	QT 01 CA	01	15/01/2018
63.	QT Đăng ký tạm trú	QT 02 CA	01	15/01/2018

64.	QT Lưu trú và thông báo lưu trú	QT 03 CA	01	15/01/2018
65.	QT Tách sổ hộ khẩu	QT 04 CA	01	15/01/2018
66.	QT Khai báo tạm vắng	QT 05 CA	01	15/01/2018
67.	QT Đăng ký tạm vắng	QT 06 CA	01	15/01/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ IAKO HUYỆN CHƯ SÊ

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã IaKo
phù hợp với Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với các lĩnh vực

(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 13/ QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2018 của UBND xã IaKo)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

IaKo, Ngày 20 tháng 3 năm 2018

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Xuân Cảnh